

NHỮNG NÉT NỔI BẬT TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TRONG NĂM 2018

● VŨ DIỆP ANH

TÓM TẮT:

Sau 33 năm thực hiện chính sách hội nhập kinh tế, cùng với những nỗ lực tự do hóa thương mại thông qua việc ký kết những hiệp định thương mại song phương, đa phương và sự năng động của các doanh nghiệp Việt Nam trong việc khai thác các thị trường nước ngoài, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đã ghi nhận những kết quả ấn tượng. Dựa trên việc phân tích các số liệu thống kê, bài báo này chỉ ra những nét nổi bật trong hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2018 là kim ngạch thương mại và xuất siêu đạt ngưỡng kỷ lục, cơ cấu hàng xuất nhập khẩu tiếp tục được cải thiện theo hướng tích cực, các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ lực gia tăng về quy mô và các thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu được mở rộng.

Từ khóa: Xuất nhập khẩu, cơ cấu xuất nhập khẩu, mặt hàng chủ lực, thị trường chủ yếu.

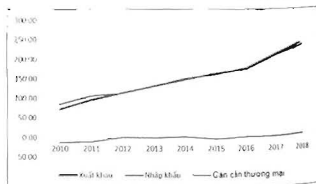
1. Kim ngạch xuất nhập khẩu và xuất siêu đạt mức kỷ lục trong năm 2018

Năm 2018 là một năm thành công đối với hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam xác lập mức kỷ lục mới trong năm 2018 với 515,51 tỷ đôla. Trong đó, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa vẫn chiếm vai trò chủ đạo (93,54%) so với kim ngạch xuất nhập khẩu dịch vụ trong hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam.

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2018 đạt mức 482.23 tỷ đôla, tăng 13,5% so với năm 2017, tăng 46,78% so với năm 2015 và tăng 207% so với năm 2010. Xuất khẩu hàng hóa năm 2018 là 244.72 tỷ đôla, tăng 14,48% so với năm 2017, vượt xa chỉ tiêu Quốc hội giao (7-8%). Hoạt động xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả đầu thò) với 175,52 tỷ đôla, chiếm 72% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Kim ngạch nhập khẩu năm 2018 đạt 2337.51 tỷ đôla, tăng 12,51% so với năm 2017. Tỷ trọng kim ngạch nhập

khẩu của khu vực kinh tế trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài lần lượt là 40% và 60%. Có thể nói khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vẫn giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam. Những con số ấn tượng về thương mại quốc tế trong năm 2018 giúp Việt Nam trở thành một trong số 30 nước có hoạt động xuất nhập khẩu lớn nhất thế giới hiện nay.

Hình 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Cán cân thương mại hàng hóa quốc tế năm 2018 đạt mức thặng dư kỷ lục 7,21 tỷ đôla, tăng 4,54 tỷ đôla (170,34%) so với năm 2017, vượt xa mục tiêu Quốc hội đề ra (nhập siêu dưới 3%). Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,6 tỷ đôla trong khi khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 32,81 tỷ đôla. Đây là năm thứ 6 Việt Nam xuất siêu trong hoạt động thương mại quốc tế kể từ năm 2012. Xuất siêu ngày càng gia tăng là một tín hiệu lạc quan cho nền kinh tế, tuy nhiên, xuất siêu của Việt Nam vẫn chưa được coi là bền vững vì mức xuất siêu còn nhỏ. Việt Nam hiện nay vẫn là nền kinh tế gia công xuất khẩu nên phụ thuộc vào việc nhập khẩu nguyên phụ liệu từ nước ngoài, ngành công nghiệp phụ trợ vẫn chưa phát triển trong khi xuất siêu vẫn phụ thuộc vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Theo Tổng cục Hải quan, trong quan hệ thương mại song phương năm 2018, Việt Nam xuất siêu sang 150 nước, vùng lãnh thổ và nhập siêu từ 85 nước, vùng lãnh thổ trên thế giới.

trong xuất khẩu dịch vụ từ năm 2010. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ năm 2018 đạt 18,48 tỷ đôla. Dịch vụ vận tải và dịch vụ bưu chính, viễn thông đóng góp phần lớn vào nhập khẩu dịch vụ với kim ngạch lần lượt là 8,84 và 5,73 tỷ đôla, chiếm 47,83% và 31% tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ. Số lượng người Việt Nam đi du lịch nước ngoài trong năm 2018 giảm làm kim ngạch nhập khẩu dịch vụ du lịch giảm mạnh xuống còn 92 triệu đôla so với con số 3,595 tỷ đôla năm 2015 và 5,04 tỷ đôla năm 2017. Như vậy, trong năm 2018, Việt Nam tiếp tục nhập siêu dịch vụ với 3,68 tỷ đôla. Quy mô xuất nhập khẩu dịch vụ còn chiếm vai trò khiêm tốn (6,48%) trong hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam. Để giảm nhập siêu dịch vụ, trong những năm tới Việt Nam cần phát huy hết tiềm năng của các ngành dịch vụ nhất là ngành logistics với lợi thế hệ thống cảng biển dày đặc và ngành Du lịch thông qua việc đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và nâng các chất lượng dịch vụ du lịch.

Bảng 1. Kim ngạch xuất nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam

Đơn vị: tỷ USD

Dịch vụ	Năm	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
		2010	2015	2018	2010	2015	2018
Dịch vụ vận tải		2,306	2,430	2,885	6,596	8,050	8,840
Dịch vụ bưu chính, viễn thông		0,137	0,148	0,167	0,079	0,085	5,730
Dịch vụ du lịch		4,450	7,350	10,080	1,470	3,595	0,092
Dịch vụ tài chính		0,192	0,180	0,190	0,195	0,486	0,522
Dịch vụ bảo hiểm		0,070	0,055	0,061	0,481	1,015	0,689
Dịch vụ khác		0,305	1,087	1,417	1,100	2,784	2,607
Tổng số		7,460	11,250	14,800	9,921	16,015	18,480

Nguồn: Tổng cục Thống kê

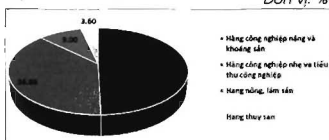
Kim ngạch xuất nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam trong năm 2018 đạt 33,28 tỷ đôla, tăng 13,2% so với năm 2017, tăng 22,1% so với năm 2015 và tăng 91,5% so với năm 2010. Xuất khẩu dịch vụ năm 2018 là 14,8 tỷ đôla, trong đó xuất khẩu dịch vụ du lịch đạt 10,08 tỷ đôla, chiếm 68,1% trong kim ngạch xuất khẩu dịch vụ và xuất khẩu dịch vụ vận tải đạt 2,885 tỷ đôla, chiếm 19,5% trong kim ngạch xuất khẩu dịch vụ. Số liệu thống kê về nhập khẩu dịch vụ cho thấy những dịch vụ Việt Nam xuất khẩu chủ yếu là dịch vụ du lịch và dịch vụ vận tải. Đây là xu hướng chung

2. Cơ cấu xuất nhập khẩu năm 2018 tiếp tục được cải thiện theo hướng tích cực

Cơ cấu hàng xuất khẩu năm 2018 ghi nhận sự gia tăng tỷ trọng của nhóm hàng công nghiệp và sự sụt giảm tỷ trọng của các nhóm hàng khác. Cụ thể, nhóm hàng công nghiệp chiếm 85,5%, nhóm hàng nông, lâm sản chiếm 9%, nhóm hàng thủy sản chiếm 3,6% và nhóm hàng khoáng sản chiếm 1,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2018. Trong giai đoạn 2010-2018, cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta có những chuyển biến tích cực. Tỷ trọng của nhóm hàng công nghiệp

tăng từ 74,23% trong năm 2010 lên 85,5% trong năm 2018. Tỷ trọng của nhóm hàng nông, lâm sản trong năm 2018 (9%) chỉ còn bằng 1/2 tỷ trọng năm 2010 (17,91%). Tương tự, tỷ trọng của nhóm hàng thủy sản cũng giảm từ 7,85% trong năm 2010 xuống còn 3,6% trong năm 2018. Nhóm hàng khoáng sản ghi nhận sự sụt giảm mạnh về tỷ trọng, chỉ còn 1,9% trong năm 2018 so với mức 13,03% trong năm 2010. Với kết quả này, Việt Nam đã vượt mục tiêu được đề ra trong “Chiến lược xuất khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030” với tỷ trọng của nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo có tỷ trọng tăng lên 62,9%, nhóm hàng nông, lâm, thủy sản có tỷ trọng giảm xuống còn 13,5%, nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản có tỷ trọng giảm xuống còn 4,4% trong cơ cấu hàng xuất khẩu năm 2020.

Hình 2: Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam năm 2018



Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Bảng 2. Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2018

Đơn vị: %

Nhóm hàng	Năm		
	2010	2015	2018
Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	22,04	43,25	48,65
Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp	52,19	41,57	36,86
Hàng nông, lâm sản	17,91	10,97	9,00
Hàng thủy sản	7,85	4,21	3,60
Khoáng sản	13,03	3,90	1,90

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Trong cơ cấu nhập khẩu năm 2018, nhóm hàng tư liệu sản xuất vẫn chiếm tỷ trọng lớn (91,36%), trong đó, nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ,

phụ tùng chiếm 42,52% và nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 48,84%. Nhóm hàng tiêu dùng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước với 8,63%. Số liệu thống kê trong Bảng 3 cho thấy, cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam cơ bản tương đối ổn định trong giai đoạn 2010-2018. Tỷ trọng nhập khẩu hàng tư liệu sản xuất chiếm trên 90% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, trong khi tỷ trọng nhập khẩu hàng tiêu dùng chỉ chiếm 8-10%. Sự thay đổi nhiều nhất về cơ cấu nhập khẩu trong giai đoạn này diễn ra trong các nhóm hàng của nhóm tư liệu sản xuất. Cụ thể, tỷ trọng nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng trong giai đoạn này tăng từ 29,99% lên 42,52%, trong khi tỷ trọng nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu giảm từ 60,02% xuống còn 48,84%. Nghiên cứu kỹ xu hướng thương mại quốc tế của Việt Nam trong năm 2018 có thể dễ dàng nhận thấy Việt Nam nhập khẩu nhiều tư liệu sản xuất để làm đầu vào cho hoạt động gia công, lắp ráp xuất khẩu. Kết quả điều tra cho thấy tỷ lệ giá trị nguyên liệu nhập khẩu về để gia công, lắp ráp trên tổng giá trị hàng hóa sau gia công ở mức cao (62,3%). Tỷ lệ này ở nhóm hàng điện thoại là 78,9%, ở nhóm hàng điện tử, máy tính là 76,4%, ở nhóm dệt may là 67,1%, ở nhóm giày dép là 47% và ở nhóm hàng hóa khác là 74,7% [1]. Những số liệu này cho thấy giá trị gia tăng trong hoạt động xuất khẩu của Việt Nam là không cao.

Bảng 3. Cơ cấu hàng nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2018

Đơn vị: %

	2010	2015	2018
1. Tư liệu sản xuất	90,01	91,16	91,36
+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng	29,99	43,27	42,52
+ Nguyên, nhiên, vật liệu	60,02	47,91	48,84
2. Hàng tiêu dùng	9,99	8,84	8,63

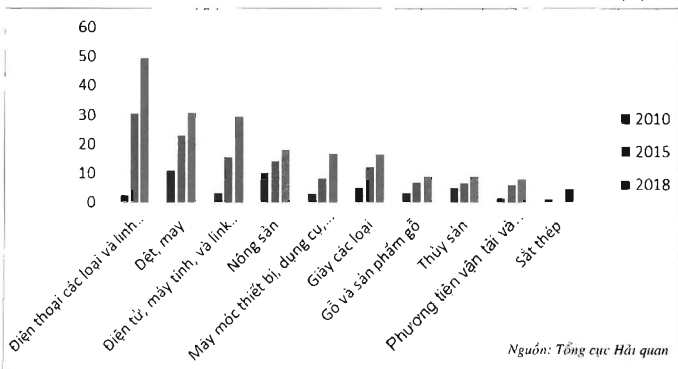
Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

3. Các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ lực gia tăng về quy mô

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Việt Nam có 29 mặt hàng với kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ đôla trong năm 2018, tăng 6 mặt hàng so với năm 2015 và tăng 8 mặt hàng so với năm 2012.

Trị giá xuất khẩu của 29 mặt hàng này chiếm 91,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước trong năm 2018. Điện thoại các loại và linh kiện dẫn đầu về xuất khẩu với kim ngạch 49,08 tỷ đô la với 2 thị trường xuất khẩu chính là Trung Quốc (9,38 tỷ đôla) và Mỹ (5,41 tỷ đôla). Tiếp đó là hàng dệt, may (30,49 tỷ đôla) với các thị trường xuất khẩu chính là EU, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Hàng điện tử, máy tính và linh kiện có kim ngạch xuất khẩu là 29,32 tỷ đô la được xuất khẩu sang các thị trường như Trung Quốc, EU và Mỹ. Hàng nông sản bao gồm rau quả, hạt điều, hạt tiêu, chè, cà phê, gạo, sắn và các sản phẩm sắn, cao su với trị giá xuất khẩu 18 tỷ đôla được bán chủ yếu cho Trung Quốc, EU, ASEAN và Mỹ. Máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt ngưỡng xuất khẩu 17 tỷ đôla. Giày các loại với kim ngạch 16 tỷ đôla được tiêu thụ chủ yếu ở Mỹ, EU, Trung Quốc và Nhật Bản. Hình 3 cho thấy các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đặc biệt là điện thoại các loại và linh kiện, hàng dệt, may và hàng điện tử, máy tính và linh kiện, đều có sự gia tăng về quy mô trong giai đoạn 2010-2018.

Hình 3: Một số mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam giai đoạn 2010-2018



Trong năm 2018, Việt Nam có 15 mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu đạt trên 1 tỷ đôla, chiếm 73,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Dẫn

đầu về nhập khẩu là nhóm hàng điện tử, máy tính và linh kiện với 43 tỷ đôla. Nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác có kim ngạch nhập khẩu lớn thứ 2, đạt 33 tỷ đôla. 2 nhóm hàng này chủ yếu được nhập khẩu về từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Xếp vị trí thứ ba là điện thoại các loại và linh kiện với trị giá nhập khẩu là 16 tỷ đôla. Nhóm hàng này chủ yếu có xuất xứ từ Hàn Quốc (6,2 tỷ đôla) và Trung Quốc (8,58 tỷ đôla). Chất dẻo nguyên liệu, sản phẩm từ chất dẻo và nguyên phụ liệu dệt may, da giày có trị giá nhập khẩu lần lượt là 14,96 tỷ đôla và 5,7 tỷ đôla. 2 nhóm hàng này chủ yếu được nhập khẩu về từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan. Nhìn chung, kim ngạch nhập khẩu của các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu đều có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2010-2018. (Hình 4).

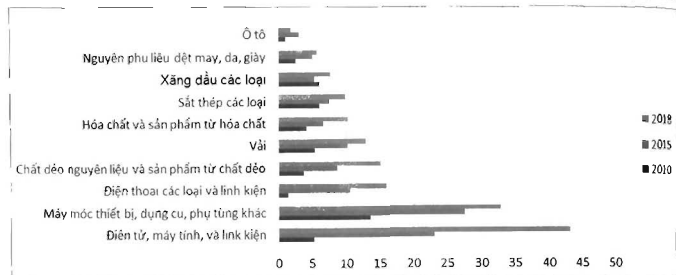
4. Các thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam được mở rộng

Các nước bạn hàng chủ yếu của Việt Nam là Mỹ, EU, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản và Hàn Quốc. Giá trị xuất khẩu sang các thị trường này đạt 196,67 tỷ đôla, chiếm 80,37% tổng kim ngạch xuất khẩu

của Việt Nam trong năm 2018. Giá trị nhập khẩu từ 6 thị trường này là 190,36 tỷ đôla, chiếm 80,15% kim ngạch nhập khẩu của cả nước. (Bảng 4).

Hình 4: Một số mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam giai đoạn 2010-2018

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Kim ngạch xuất nhập khẩu theo các thị trường chủ yếu của Việt Nam năm 2018

Đơn vị: tỷ USD

Thị trường	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	2017	2018	2017	2018
Mỹ	41,61	47,53	9,20	12,75
EU	38,28	46,30	12,10	13,89
Trung Quốc	35,46	41,27	58,23	65,44
ASEAN	21,51	24,52	28,02	31,77
Nhật Bản	16,84	18,85	16,59	19,01
Hàn Quốc	14,82	18,20	46,73	47,50
Châu Đại Dương	4,07	4,90	3,69	4,41
Châu Phi	2,67	2,80	4,02	4,10

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Mỹ với kim ngạch xuất khẩu 47,53 tỷ đôla, tiếp đó là EU và Trung Quốc với kim ngạch xuất khẩu lần lượt là 46,3 tỷ đôla và 41,27 tỷ đôla. Trung Quốc tiếp tục giữ vị trí là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với giá trị nhập khẩu đạt 65,44 tỷ đôla trong năm 2018. Hàn Quốc và ASEAN lần lượt là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 và 3 của Việt Nam với kim ngạch nhập khẩu lần lượt là 47,5 tỷ đôla và 31,77 tỷ đôla. Số liệu thống kê trong Bảng 4 cho thấy kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với các thị trường chủ yếu, nhất là Trung

Quốc, đều tăng lên so với năm 2017. Trong 2018, kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 5,81 tỷ đôla và kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này tăng 7,21 tỷ đôla. Trong 6 bạn hàng chủ yếu, Việt Nam có thâm hụt thương mại với 4 thị trường (Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN và Nhật Bản) và có thặng dư thương mại với 2 thị trường (EU và Mỹ). Trong năm 2018, Việt Nam nhập siêu nhiều nhất từ Hàn Quốc và Trung Quốc với mức nhập siêu lần lượt là 29,3 tỷ đôla và 24,17 tỷ đôla. Mức xuất siêu của Việt Nam sang Mỹ và EU lần lượt là 34,78 tỷ đôla và 32,41 tỷ đôla ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hiệp hội Đông sơi Việt Nam, 2019 *Gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài: Bài toán được - mất*. <http://vcosa.org.vn/gia-cung-hang-hoa-cho-thuong-nhan-nuoc-ngoai-bai-toan-duoc-mat/> (Ngày truy cập 10/5/2019)
2. Tổng cục Hải quan: <https://www.customs.gov.vn>. (Ngày truy cập 10/5/2019)
3. Tổng cục Thống kê: <https://www.gso.gov.vn/>. (Ngày truy cập 10/5/2019)

Ngày nhận bài: 9/5/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 19/5/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 29/5/2019

Thông tin tác giả:

TS. VŨ DIỆP ANH

Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở - Địa chất

HIGHLIGHTS ON VIETNAM'S EXPORTS AND IMPORTS IN 2018

● Ph.D. VU DIEP ANH

Faculty of Economics and Business Administration,
Hanoi University of Mining and Geology

ABSTRACT:

After 33 years of implementing the economic integration policy, doing trade liberalization through signing bilateral and multilateral trade agreements as well as the dynamics of Vietnamese enterprises in exploiting overseas markets, Vietnam's export and import activities have recorded impressive achievements. By analyzing trade statistics, this paper points out the main characteristics of Vietnam's international trade in 2018. In 2018, Vietnam's import-export turnover and trade surplus reached records, the trade structure was improved and major export - import items and trading markets expanded in terms of value.

Keywords: Export and import, export and import's structure, major export and import items, major market.